

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ  
Số: 1570/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 09 tháng 6 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Việt Trì đến năm 2020

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình 297/TTr-KH&ĐT ngày 02 tháng 6 năm 2008; của Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì tại Tờ trình số 767/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2008,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Việt Trì đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

##### 1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Việt Trì đến năm 2020 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh, của vùng và các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh, đảm bảo sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, góp phần quyết định vào tăng trưởng chung của tỉnh và vùng.

b) Xây dựng và phát triển thành phố Việt Trì thực sự là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ của tỉnh; là thành phố văn minh, hiện đại, tiêu biểu của vùng; là thành phố lễ hội về cội nguồn của dân tộc Việt Nam; là một trong những trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực của vùng, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng; là đầu mối giao thông quan trọng, có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

c) Đảm bảo các yếu tố phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị, xây dựng chính quyền vững mạnh. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa vùng Đất Tổ, kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thành phố.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển nguồn nhân lực, phát triển mạnh nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cho cả tỉnh và vùng.

## **2. Mục tiêu phát triển**

a) *Mục tiêu tổng quát:* Xây dựng thành phố Việt Trì thực sự trở thành trung tâm động lực kinh tế - xã hội của tỉnh và của vùng, là thành phố lễ hội về cội nguồn dân tộc Việt Nam. Phấn đấu đến năm 2015 trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh và là đô thị vệ tinh của thủ đô Hà Nội.

### *b) Một số mục tiêu cụ thể*

- *Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Việt Trì giai đoạn 2006 - 2020 bình quân đạt 15,0%/năm; đến năm 2020 đóng góp 45,5% GDP của tỉnh và 9,6% GDP vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Mật độ GDP/điện tích tự nhiên đạt trên 1.003 triệu đồng/ha (giá hiện hành), GDP/người đạt trên 127 triệu đồng/người (giá hiện hành) vào năm 2020.

- *Về văn hóa - xã hội:* Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng toàn diện các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, thể thao. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và giá trị văn hóa truyền thống của vùng Đất Tổ. Phấn đấu đến năm 2010 phổ cập bậc trung học; đến năm 2010: 100% các trường công lập được kiên cố hóa, 100% các trường đảm bảo đủ thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; 100% số phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Số lao động bố trí vào các ngành kinh tế quốc dân năm 2020 khoảng 203 nghìn người, bình quân thu hút trên 8,3 nghìn người/năm, tăng thu nhập, nâng cao đáng kể mức sống của người dân (năm 2020, GDP/người của thành phố gấp khoảng 2 lần mức trung bình toàn tỉnh và trên 3,3 lần toàn vùng trung du và miền núi Bắc Bộ).

- *Về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:* Đến năm 2010 phấn đấu 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc sử dụng trang thiết bị giảm ô nhiễm, có xử lý chất thải; 100% bệnh viện trên địa bàn xử lý được chất thải nguy hại; tốc độ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp trên địa bàn đạt bình quân khoảng 20%/năm. Đến năm 2020, 100% dân số được cấp nước sạch; 100% số hộ nông thôn có công trình hợp quy cách vệ sinh; phòng chống hạn chế đến mức tối đa sự suy kiệt và ô nhiễm các nguồn tài nguyên.

## **3. Phương hướng, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực**

### *a) Phát triển công nghiệp*

- *Mục tiêu chủ yếu:* Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân năm cả thời kỳ 2006 - 2020 trên 14,5%/năm. Trong đó: Giai đoạn 2006 - 2010 đạt trên 15,0%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 14,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 14,0%/năm. Tỷ trọng đóng góp vào GDP chung: Năm 2010 đạt trên 62,0%; năm 2015 đạt trên 60,6%; năm 2020 đạt trên 56,8%.

### *- Phương hướng phát triển:*

+ Lựa chọn cơ cấu công nghiệp hợp lý, phù hợp với đặc thù của thành phố, ưu tiên đầu tư phát triển nhóm ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản (chế biến

thực phẩm, sản xuất rượu bia, nước giải khát, bánh kẹo, chế biến gỗ...); nhóm ngành công nghiệp hàng tiêu dùng; nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao, điện tử, tin học và nhóm ngành công nghiệp phụ trợ.

+ Tập trung đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, ưu tiên đầu tư vào các ngành công nghệ tiên tiến, công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường (như công nghiệp cơ khí chế tạo, lắp ráp, điện tử, tin học, sản xuất rượu bia...); những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế thu ngân sách và thu hút lao động. Không đưa vào thành phố Việt Trì các ngành công nghệ gây ô nhiễm môi trường (như dệt may, sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất...).

+ Phát triển đa dạng các ngành công nghiệp có lợi thế về lao động và có truyền thống, các ngành công nghiệp công nghệ cao; kết hợp giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ các cơ sở hiện có và xây dựng mới các cơ sở có lợi thế về nguyên liệu, lao động và các ngành công nghệ cao.

+ Tập trung đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng để có điều kiện thu hút các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài; di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm xen lẫn trong các khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; không mở rộng, hoặc bổ sung quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trong thành phố.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Việt Trì thành trung tâm của vùng về một số ngành công nghiệp như: Chế tạo máy, phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm nghiệp, cơ khí đóng tàu thủy, lắp ráp phương tiện vận tải, công nghiệp điện tử, tin học...

- *Phương hướng phát triển công nghiệp theo lãnh thổ*: Tập trung đầu tư hoàn chỉnh khu công nghiệp Thụy Vân, cụm công nghiệp Bạch Hạc, cụm công nghiệp Phượng Lâu. Từ 2011 - 2020 tập trung đầu tư chiều sâu các khu, cụm công nghiệp hiện có, hướng vào phát triển công nghệ sạch, có hàm lượng công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn vào thu ngân sách trên địa bàn.

#### *b) Phát triển các ngành thương mại, dịch vụ*

- *Mục tiêu*: Phân đấu đạt nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành dịch vụ tăng bình quân năm cả thời kỳ 2006 - 2020 khoảng 16,1%/năm. Trong đó: Giai đoạn 2006 - 2010 đạt 16,9%/năm; giai đoạn 2011-2015 đạt 15,9%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,5%/năm; tỷ trọng đóng góp vào GDP chung năm 2010 đạt 38,5%; năm 2015 đạt 41,0% và năm 2020 đạt 43,4%.

- *Phương hướng phát triển*: Tập trung phát triển các ngành dịch vụ, nâng cấp các khách sạn, nhà hàng đạt chuẩn; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, chợ đầu mối; xây dựng trung tâm hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm. Phát triển du lịch gắn với các tua du lịch của 3 tỉnh: Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai, với các tỉnh bạn và thủ đô Hà Nội; phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử; phục dựng các lễ hội truyền thống; phát triển nội dung chương trình du lịch về cội nguồn dân tộc Việt Nam.

Phát triển mạnh phương tiện vận tải thủy, bộ và dịch vụ vận tải, kho bãi; dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông và các loại hình dịch vụ khác.

Hiện đại cảng ICD (Thụy Vân); mở rộng quy mô và nâng cấp Cảng Việt Trì, đưa công suất lên khoảng 3 đến 4 triệu tấn/năm.

+ Phát triển du lịch, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Ưu tiên phát triển du lịch lễ hội, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái...; tập trung đầu tư vào Khu di tích lịch sử Đền Hùng; khu du lịch Văn Lang, khu du lịch Bến Gót, khu du lịch sinh thái ven sông Lô (các xã Trung Vương, Sông Lô).

+ Thương mại: Phát triển mạng lưới thương mại với dự tham gia của các thành phần kinh tế; chú trọng làm tốt khâu cung ứng, thu mua, xuất nhập khẩu hàng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân. Khuyến khích xây dựng trung tâm thương mại lớn, chợ đầu mối gắn với sản xuất chế biến nông, lâm sản; phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao.

+ Các dịch vụ khác (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...): Hình thành và phát triển thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, công ty cho thuê tài chính. Khuyến khích phát triển các hình thức giao dịch tín dụng, ngân hàng, các dịch vụ thanh toán qua mạng không dùng tiền mặt.

### *c) Phát triển nông nghiệp*

- *Mục tiêu chủ yếu:* Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân cả thời kỳ 2005 - 2020 là 3,3/năm và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, đến năm 2020 còn khoảng 0,6%.

- *Phương hướng phát triển:* Phát triển và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng: Sản xuất hàng hóa; nông nghiệp cận đô thị; nông nghiệp sạch; ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch sinh thái nhằm đạt chất lượng, hiệu quả cao trên một đơn vị diện tích đất nông lâm nghiệp.

Thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu nông nghiệp trên cơ sở đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển cây, con có giá trị kinh tế cao, phát triển các vùng chuyên canh, đầu tư xây dựng vùng trồng hoa, rau an toàn, nuôi trồng thủy sản đạt giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh các ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho nông dân, chuyển nghề cho một bộ phận dân cư nông thôn bị thu hồi đất do quá trình đô thị hóa và phát triển khu công nghiệp tập trung.

### *d) Phát triển văn hóa xã hội*

#### *(1) Xây dựng Việt Trì thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng*

- Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học; tăng cường cơ sở vật chất trường học các cấp; mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng, gắn đào tạo với sử dụng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý.

- Tập trung xây dựng và từng bước hiện đại hóa thiết bị dạy học Trường Đại học Hùng Vương đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. Nâng cấp một số trường cao đẳng lên thành trường đại học như: Trường Cao đẳng hóa chất nâng cấp lên thành Trường Đại học hóa; Trường Cao đẳng công nghiệp thực phẩm nâng cấp lên thành Trường Đại học công nghiệp thực phẩm.

- Nâng cấp một số trường trung cấp lên thành trường cao đẳng, đại học như: Trường Trung cấp nghề tỉnh Phú Thọ nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng nghề tỉnh

Phú Thọ và sau đó tiếp tục được nâng lên thành Trường Đại học công nghệ Phú Thọ. Các trường trung học chuyên ngành, các trường dạy nghề, các trung tâm đào tạo, giới thiệu việc làm cũng được đầu tư mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và vùng.

(2) *Xây dựng Việt Trì thành một vệ tinh về y tế cho thủ đô Hà Nội, đảm bảo sức khỏe, nâng cao thể lực tuổi thọ cho người dân thành phố.* Nâng cấp bệnh viện đa khoa Việt Trì thành bệnh viện đa khoa vùng; đầu tư, nâng cấp 2 bệnh viện chuyên khoa thành Bệnh viện chuyên khoa cấp vùng. Phân đầu tư các trung tâm y tế dự phòng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; riêng Trung tâm y tế dự phòng tỉnh phải đạt tiêu chuẩn cấp vùng.

(3) *Xây dựng Việt Trì thành trung tâm văn hóa, thể thao của vùng:* Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố. Hoàn thành và đưa vào sử dụng Khu liên hiệp thể thao của tỉnh và thành phố. Xây dựng trung tâm văn hóa nghệ thuật; trung tâm xuất khẩu lao động, sản giao dịch theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt.

(4) *Giải quyết việc làm, tăng thu nhập:* Dự báo giai đoạn 2006 đến 2020 số lao động cần giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 8 - 9 nghìn người. Việc bố trí việc làm sẽ theo hai hướng: Bố trí việc làm tại chỗ, chủ yếu phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, để thu hút lao động; xuất khẩu lao động đi làm việc tại các tỉnh, thành phố trong cả nước và ra nước ngoài làm việc.

#### *đ) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng*

Phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt theo quy hoạch được duyệt. Chú trọng phát triển giao thông đường bộ (cả giao thông hướng ngoại và giao thông nội thành), đường sông và đường sắt; hệ thống kho tàng, bến bãi; quy hoạch các tuyến đường giao thông ở các xã trong tương lai sẽ trở thành phường để đảm bảo nhu cầu giao thông ở các xã trong mạng lưới cấp điện, mạng lưới cấp nước; quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái; xử lý nước thải, rác thải.

(1) *Phát triển mạng lưới giao thông, đảm bảo Việt Trì là đầu mối giao thông quan trọng của vùng*

- *Về đường bộ:* Đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai chạy phía Bắc thành phố; điều chỉnh hướng tuyến quốc lộ số 2 giai đoạn qua thành phố; điều chỉnh hướng tuyến đường quốc lộ 32C; xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe khách liên tỉnh; cải tạo, nâng cấp cầu Việt Trì; xây dựng mới cầu qua sông Lô; mở rộng các trục đường, cửa ngõ ra vào thành phố.

*Đối với hệ thống đường giao thông đô thị:* Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường hiện có, kết hợp xây dựng mới các tuyến đường theo quy hoạch tạo thành mạng lưới đường liên hoàn, đảm bảo giao thông thông suốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; xây dựng hệ thống điếm đỗ xe (giao thông tĩnh), đảm bảo diện tích bãi đỗ khoảng 2,5% quỹ đất xây dựng đô thị.

- *Về đường sông:* Phát triển mạnh vận tải đường sông; nâng cấp cảng Việt Trì công suất dự kiến 3-4 triệu tấn/năm, cảng Dữu Lâu; xây dựng bến tàu khách tại Việt Trì và Hùng Lô phục vụ tuyến đường sông đi Hà Nội, Hòa Bình, Tuyên Quang và du khách đến lễ hội Đền Hùng.

- *Về đường sắt:* Chuyển đoạn tuyến đường sắt từ Bạch Hạc đến Đền Hùng về phía Tây nam, xây dựng mới ga Thụy Vân.

- *Về kho tàng*: Xây dựng kho hàng sau ga đường sắt mới ở Thụy Vân; chú trọng đầu tư các kho bãi tại các khu, cụm công nghiệp.

(2) *Mạng lưới cấp điện*: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

(3) *Mạng lưới cấp nước*: Sử dụng nguồn nước lấy từ sông Lô. Tổng công suất các nhà máy nước đến năm 2020 khoảng 109.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; xây dựng mạng lưới đường ống thiết kế theo mạng vòng và mạng nhánh đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất kinh doanh, sinh hoạt và các hoạt động của thành phố.

(4) *Thoát nước thải và vệ sinh môi trường*: Tổng cộng lượng nước thải cần thu gom và xử lý đến năm 2020 khoảng 73.200m<sup>3</sup>/ngày đêm; các khu xử lý chất thải; chất rắn sinh hoạt đô thị được xử lý tại 2 điểm: Khu xử lý hiện có tại xã Vân Phú - Phượng Lâu và khu xử lý xây dựng mới tại xã Phù Ninh.

Chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý riêng tại xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh theo dự án được phê duyệt. Khu nghĩa trang Vân Phú hiện có chỉ sử dụng để cất táng; xây mới nghĩa trang tại vùng đồi xã Phù Ninh để hung táng, cất táng và điện táng.

e) *Phương hướng phát triển không gian*: Phát triển không gian thành phố theo 2 hướng: (1) hướng Đông - Đông Nam (vùng Bạch Hạc - ven sông Lô), chủ yếu phát triển du lịch (không bố trí sản xuất công nghiệp vào vùng này); (2) theo hướng Bắc - Tây Bắc: trọng tâm là quy hoạch phát triển thành phố lễ hội, du lịch và dịch vụ.

(1) *Định hướng phát triển không gian chung và quy mô đất xây dựng*: Xây dựng và phát triển Việt Trì thành thành phố lễ hội về cội nguồn của cả dân tộc với tầm nhìn dài hạn, đô thị loại I trực thuộc tỉnh, đô thị hạt nhân trong hệ thống đô thị của tỉnh, của vùng và gắn kết với vùng xung quanh tạo ra sự hài hoà, liên kết hợp lý, giữa vai trò đầu tàu trong vùng kinh tế động lực của tỉnh, thúc đẩy sự phát triển cho cả tỉnh và vùng. Đồng thời tạo ra sự gắn kết giữa nội thị và ngoại thị, giữa các khu vực trong nội thị với nhau.

Quy mô đất xây dựng: Đến năm 2010, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.047 ha, bình quân 102,4m<sup>2</sup>/người, trong đó đất dân dụng khoảng 1.282ha, bình quân 61,1m<sup>2</sup>/người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.044 ha, bình quân 108,7 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất dân dụng khoảng 1.850 ha, bình quân 66,1m<sup>2</sup>/người.

(2) *Định hướng phát triển khu trung tâm và dịch vụ công cộng*: Xây dựng các trung tâm dịch vụ công cộng, Quảng trường, bảo tàng, siêu thị; trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh chủ yếu trên trục đường Nguyễn Tất Thành; trung tâm hành chính chính trị thành phố trên trục đường Hùng Vương.

(3) *Định hướng phát triển các khu đô thị*: Nâng cấp, chỉnh trang khu đô thị trong thành phố cũ; xây dựng thêm 5 khu mới: Khu đô thị phía Tây Nam; khu đô thị mới phía Đông; khu đô thị phường Bạch Hạc; khu đô thị mới phía Đông Bắc và khu đô thị mới phía Nam thành phố.

(4) *Định hướng phát triển cây xanh và thể dục thể thao*: Chú trọng phát triển cây xanh ở Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng; công viên Văn Lang, công viên sinh

thái (Minh Phương); công viên nghỉ dưỡng (Đầm Mai) và khu vực ven sông Lô (khu đông nam thành phố).

(5) *Định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị*: Quản lý kiến trúc mặt đứng của các tuyến trục chính, chú trọng kiến trúc hiện đại, song phải phù hợp với đặc thù cảnh quan thành phố. Tận dụng tối đa địa hình thiên nhiên giữ gìn cảnh quan và tái tạo lại hình ảnh kinh đô Văn Lang.

g) *Về quốc phòng, an ninh*: Tăng cường, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu, giữ vững an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển. Chủ động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn và làm thất bại âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

#### **4. Các giải pháp, chính sách chung để thực hiện Quy hoạch**

a) *Các giải pháp huy động vốn đầu tư*:

- Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho cả giai đoạn 2006 - 2020 khoảng 64.997 tỷ đồng (theo giá năm 2005), tương đương 4,1 tỷ USD; trong đó giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 8.813 tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 18.127 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 38.057 tỷ đồng. Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư, cần phải có giải pháp để thu hút các nguồn vốn chủ yếu sau:

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), trong đó có ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh giành cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội; dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 25 - 30% nhu cầu vốn đầu tư.

+ Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và từ dân, chiếm khoảng 40 - 45% trong cơ cấu vốn đầu tư.

+ Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài thành phố (kể cả đầu tư nước ngoài); dự kiến sẽ đáp ứng được 25 - 30% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

- Các chương trình, dự án đầu tư ưu tiên, gồm (1) Dự án quy hoạch chi tiết về xây dựng thành phố; (2) Dự án quy hoạch kiến trúc đô thị; (3) Dự án quy hoạch thành phố lễ hội trong năm 2008; (4) chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh trên địa bàn thành phố; (5) Chương trình phát triển nguồn nhân lực; (6) các lĩnh vực văn hóa - xã hội v.v...;

b) *Phát triển nguồn nhân lực*: Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện tốt chính sách thu hút nhân tài của tỉnh để cung cấp nhân lực cho thành phố. Sắp xếp lại và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước. Đẩy mạnh đào tạo và các chính sách đãi ngộ để thu hút lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật cho các ngành của thành phố. Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, khoa học công nghệ, y tế tại Hà Nội và các địa phương trong vùng để nâng cao trình độ cán bộ của thành phố. Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ cho sản xuất kinh doanh ở đô thị.

c) *Đẩy mạnh cải cách hành chính*: Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng, quản lý điều hành Chính phủ điện tử làm khâu đột phá cho cả thời kỳ 2006 - 2020.

Tập trung vào cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa công sở.

*d) Khoa học công nghệ:* Nâng cao dân trí, đưa nhanh tiến bộ khoa học công nghệ vào cuộc sống; xây dựng các luận cứ khoa học cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đưa nhanh những tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực; lựa chọn, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại. Kết hợp khoa học công nghệ hiện đại với khoa học công nghệ truyền thống; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ đi đôi với đào tạo, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ; lấy ứng dụng chuyên gia công nghệ là chính.

*đ) Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hợp tác và mở rộng thị trường:* Tăng cường hợp với các tỉnh nằm trong nước và trong khu vực, đặc biệt là các tỉnh trong hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Lào Cai. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tạo môi trường và động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố.

*e) Cơ chế, chính sách:* Đề nghị Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh có cơ chế phân cấp mạnh hơn, toàn diện hơn để thành phố có điều kiện hơn trong đầu tư phát triển; có chính sách khuyến khích đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; chính sách ứng dụng quỹ đất đầu tư phát triển hạ tầng; chính sách ưu đãi đầu tư vào thành phố; chính sách hỗ trợ ngân sách, vay các nguồn vốn Nhà nước, vốn tín dụng để đầu tư phát triển.

*g) Tổ chức bộ máy quản lý:* Sắp xếp, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý. Nghiên cứu phương án tổ chức bộ máy quản lý đảm bảo năng động, đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại I theo từng giai đoạn phát triển thành phố.

*h) Tổ chức thực hiện*

- Xây dựng các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch chi tiết, các dự án cụ thể và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ để đáp ứng các yêu cầu quản lý phát triển thành phố đô thị loại II, tiến tới đô thị loại I và tiếp tục được phân cấp trong phát triển kinh tế, đô thị. Nghiên cứu phương án tổ chức, bộ máy cho thành phố phù hợp với chức năng đô thị trung tâm vùng và tỉnh. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút đầu tư.

- Có cơ chế chính sách huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và cộng đồng vào phát triển thành phố. Chú trọng thu hút sự đóng góp của Việt Kiều, nhất là người quê thành phố và những người đang sinh sống, làm việc ở các tỉnh ngoài có quê ở thành phố.

*k) Bước đi trong quy hoạch phát triển*

- *Giai đoạn đầu (1 - 2 năm), giai đoạn chuẩn bị:* Tiến hành lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chi tiết các khu chức năng; thực hiện các công việc về tổ chức bộ máy quản lý. Xây dựng các chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu đô thị; phối hợp với các sở ban ngành để đưa các công trình quy mô vùng vào quy hoạch, kế hoạch đầu tư của các ngành.

- *Giai đoạn II (3 - 5 năm), tạo các tiền đề cơ bản:* Xây dựng cơ sở vật chất, các công trình có quy mô vùng, mạng lưới kết cấu hạ tầng; thu hút mạnh đầu tư vào các khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn.



- *Giai đoạn III (8 - 10 năm), giai đoạn phát triển*: Hoàn thiện các công trình có quy mô vùng; phát huy hiệu quả các công trình trên địa bàn.

**5. Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư đến năm 2020** (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nêu trong Quy hoạch được phê duyệt; phối hợp với các sở, ngành chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Quy hoạch xây dựng và phát triển thành phố Việt Trì; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực; kế hoạch 5 năm và hàng năm, các dự án đầu tư trên địa bàn để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt thẩm quyền) các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

**Điều 3.** Giao cho các sở, ngành có liên quan hỗ trợ UBND thành phố Việt Trì nghiên cứu, hướng dẫn xây dựng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trong từng giai đoạn, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đã nêu trong quy hoạch.

Đẩy mạnh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của thành phố đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong quy hoạch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì; Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**

**DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN  
NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 09/6/2008  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

<b>Số TT</b>	<b>TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH</b>	<b>ĐỊA ĐIỂM</b>
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP</b>	
1	Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng,	Trên địa bàn thành phố
2	Chương trình trồng hóa, cây cảnh	-nt-
3	Chương trình phát triển các mô hình trang trại nông nghiệp sinh thái ven đô gắn với phát triển du lịch	-nt-
4	Chương trình phát triển thủy sản	-nt-
5	Dự án hỗ trợ nông dân phát triển ngành nghề nông thôn, đặc biệt các hộ nông dân bị thu hồi đất do đô thị hóa, hoặc phát triển khu công nghiệp	Trên địa bàn thành phố
<b>II</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ CÔNG NGHIỆP</b>	
6	Dự án sản xuất hóa chất, phân bón	KCN Thụy Vân
7	Dự án sản xuất bia, rượu, cồn	Việt Trì, KCN Thụy Vân
8	Các dự án sản xuất giày da xuất khẩu	KCN Thụy Vân
9	Dự án sản xuất cấu kiện phi tiêu chuẩn	KCN Thụy Vân, Cụm CN Bạch Hạc
10	Dự án sản xuất nhựa và cơ khí xe máy, cơ khí, dệt may	KCN Thụy Vân
11	Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng, lắp ráp linh kiện ô tô	KCN Thụy Vân, KCN Trung Hà
12	Dự án sản xuất thuốc tân dược	KCN Thụy Vân
13	Dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến gia cầm...;	Khu công nghiệp Thụy Vân
14	Dự án sản xuất nhân nổi ép khuôn laser	KCN Thụy Vân
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG</b>	
*	<b>Giao thông</b>	
15	Đường Cao tốc Hà Nội - Lào Cai	Trên địa bàn thành phố
16	Dự án nạo vét các tuyến đường sông (đoạn Việt Trì - Đoan Hùng; đoạn Việt Trì - Yên Bái)	-nt-
17	Dự án nâng cấp đường sắt Hà Nội - Lào Cai (trong đó có nắn tuyến đoạn qua thành phố Việt Trì ra khỏi trung tâm thành phố)	-nt-
18	Dự án nâng cấp, mở rộng cảng sông Việt Trì	-nt-
19	Các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp và làm mới các tuyến đường đô	Trên địa bàn thành phố
*	<b>Thủy lợi</b>	

<b>Số TT</b>	<b>TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH</b>	<b>ĐỊA ĐIỂM</b>
20	Các dự án tu bổ đê, kè, công chống sạt lở bờ sông	Trên địa bàn thành phố
21	Đầu tư nâng cấp đê kết hợp đường giao thông	-nt-
*	<b>Hệ thống điện</b>	
22	Nhà máy nhiệt điện (1.200 MW)	Trên địa bàn thành phố
23	Dự án đầu tư mở rộng trạm 220 KV Vân Phú (Việt Trì)	-nt-
24	Dự án đầu tư trạm 110 Kv Thụy Vân	-nt-
25	Dự án cải tạo lưới điện trung áp đô thị	-nt-
*	<b>Khu, cụm công nghiệp</b>	
26	Khu công nghiệp Thụy Vân (giai đoạn 2; 3)	Trên địa bàn thành phố
27	Khu liên hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ Thụy Vân	-nt-
28	Cụm công nghiệp - TTCN làng nghề Phượng Lâu	-nt-
<b>IV</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ DỊCH VỤ, DU LỊCH</b>	
29	Dự án xây dựng hạ tầng Khu du lịch Văn Lang	Trên địa bàn thành phố
30	Dự án nâng cấp hệ thống chợ đầu mối, trung tâm thương mại	-nt-
31	Dự án xây dựng khu du lịch Bến Gót, sông Lô	-nt-
32	Các dự án xây dựng các khu chung cư, khu đô thị mới	-nt-
33	Dự án đầu tư nâng cấp cảng ICD Thụy Vân	-nt-
34	Dự án xây dựng và kinh doanh khách sạn cao cấp	Trên địa bàn thành phố
<b>V</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ DỊCH VỤ, DU LỊCH</b>	
35	Dự án xây dựng hạ tầng Khu du lịch Văn Lang	Trên địa bàn thành phố
36	Dự án nâng cấp hệ thống chợ đầu mối, trung tâm thương mại	-nt-
36	Dự án nâng cấp hệ thống chợ đầu mối, trung tâm thương mại	-nt-
37	Dự án xây dựng khu du lịch Bến Gót, sông Lô	-nt-
38	Dự án đầu tư nâng cấp cảng ICD Thụy Vân	-nt-
39	Dự án xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp	Trên địa bàn thành phố
<b>VI</b>	<b>CÔNG CỘNG - TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG</b>	
*	<b>Hạ tầng đô thị, công cộng, môi trường</b>	
40	Dự án xây dựng khu đô thị mới	Trên địa bàn thành phố
41	Các dự án xây dựng hạ tầng đô thị	-nt-
42	Hệ thống bãi rác và nhà máy xử lý rác thải rắn	-nt-
43	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị	-nt-
44	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu sản xuất nông nghiệp và thoát nước thải đô thị, nước thải công nghiệp, sinh hoạt đồng nam	Trên địa bàn thành phố
45	Dự án xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho bệnh viện tuyến tỉnh, huyện	

Số TT	TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM
*	<b>Bru chính viễn thông, khoa học công nghệ và công nghệ thông tin</b>	
46	Dự án xây dựng Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công	Trên địa bàn thành phố
47	Dự án xây dựng, nâng cấp các trung tâm đo lường, thử nghiệm, kiểm định đạt chuẩn quốc gia	-nt-
<b>VI I</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>	
*	<b>Giáo dục - đào tạo, dạy nghề</b>	
48	Trường Đại học Hùng Vương	Trên địa bàn thành phố
49	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng công nghiệp thực phẩm thành Trường Đại học công nghiệp thực phẩm	-nt-
50	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng y tế thành Trường Đại học điều dưỡng Phú Thọ	Trên địa bàn thành phố
51	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng nghề thành Trường đại học Công nghiệp (chuyên ngành)	-nt-
52	Dự án đầu tư nâng cấp Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật	-nt-
53	Dự án đầu tư nâng cấp Trường Trung học kỹ thuật dược thành Trường Cao đẳng kỹ thuật dược	-nt-
54	Dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm dạy nghề tỉnh thành Trường Trung cấp nghề	-nt-
52	Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống trường học của tỉnh đạt chuẩn quốc gia	Trên địa bàn thành phố
*	<b>Y tế - xã hội</b>	
53	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh thành Bệnh viện đa khoa cấp vùng	
54	Bệnh viện phụ sản tỉnh	-nt-
55	Bệnh viện nhi tỉnh	-nt-
56	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế bệnh viện tỉnh	-nt-
57	Dự án đầu tư Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ cao vào công tác y tế	Trên địa bàn thành phố
*	<b>Văn hóa Thông tin</b>	
58	Dự án Đền Hùng	Thành phố Việt Trì
59	Dự án xây dựng vườn sinh thái và lịch sử văn hóa rừng Quốc gia	-nt-
60	Dự án xây dựng quảng trường chính trị thành phố Việt Trì	-nt-
61	Dự án xây dựng Trung tâm hội nghị cấp vùng	-nt-
62	Dự án xây dựng Bảo tàng Phú Thọ	-nt-
63	Dự án xây dựng nhà văn hóa Trung tâm và quảng trường Festival	-nt-
64	Dự án xây dựng nhà thiếu nhi tỉnh	
65	Dự án bảo tàng văn hóa ngoài trời gắn với các di tích khảo cổ học Làng cả	-nt-
66	Dự án xây dựng làng văn hóa các thời đại Hùng Vương	-nt-
67	Dự án xây dựng thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt	Trên địa bàn thành phố

Số TT	TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM
*	<b>Thể dục thể thao</b>	
68	Dự án xây dựng Trung tâm thể thao thành phố Việt Trì	Trên địa bàn thành phố
69	Dự án cải tạo, nâng cấp các thiết chế thể thao	-nt-

*Ghi chú:* Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập, trình duyệt dự án đầu tư. Tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.